TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày: 21/3/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN – TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng – Hiệu trưởng trường tiểu học xã An Dân.
2. Ông Trần Sáu – Cán bộ hưu trí thị trấn Chí Thạnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trọng Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2025/TLST- HS ngày 12 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2025/QĐXXST- HS ngày 14/02/2025; và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số: 03/2025/TB-TA ngày 03/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện T đối với bị cáo:

Lê Duy T, sinh ngày 29/8/2007.

Nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: Không; con ông Lê Hữu Q, sinh năm 1983 và bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1983.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 19/12/2023, bị Chủ tịch UBND xã H, huyện P xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.250.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (chưa nộp phạt).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/12/2024, tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1983, anh Lê Hữu Q, sinh năm 1983.
Cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chổ ở hiện nay của chị H: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Chị H có mặt; anh Q vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ngô Tấn H1 – Là Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị hại:

1.Vợ chồng anh Trương Văn K, sinh năm 1974, chị Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 1973.

Cư trú: Khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

2.Vợ chồng anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1984, chị Lê Thị X, sinh năm 1984.

Cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

3. Chị Ngô Thị H3, sinh năm 1972.

Cư trú: Thôn N, xã B, TP T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

4.Vợ chồng chị Phạm Thị T1, sinh năm 1965, anh Hồ Ngọc T2, sinh năm 1964.

Cư trú: 95A Lê Trung K, phường 2, TP T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

5.Chị Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1993.

Cư trú: Khu phố L, phường 9, TP T, tỉnh Phú Yên.

Chổ ở hiện nay: Liên T, xã B, TP T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

6.Chị Tống Thị Bích P, sinh năm 1991.

Cư trú: Khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Trương Đăng K1, sinh ngày 15/11/2009.

Cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1968. Vắng mặt.

Cư trú: Thôn P, xã B, TP T, tỉnh Phú Yên.

3. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1970.

Cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1976.

Cư trú: Thôn Phú L, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

5. Chị Phạm Thị Thu V, sinh năm 1978.

Cư trú: Thôn N, xã B, TP T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

6. Anh Hồ Văn C1, sinh năm 1982.

Cư trú: Khu phố T, phường 9, TP T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

7. Anh Trương Quang M, sinh năm 1985.

Cư trú: Thôn P, xã B, TP T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

8. Anh Tống Xuân T4, sinh năm 1964.

Cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

9. Anh Nguyễn Đức T5, sinh năm 1981.

Cư trú: Khu p, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

10. Anh Đặng Văn A, sinh năm 1968.

Cư trú: 223 Nguyễn Công T, phường 4, TP T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩ vụ liên quan của Trương Đăng K1:

Vợ chồng Anh Trương Văn A1, sinh năm 1985, chị Đỗ Thị N, sinh năm 1988.

Cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Chị N vắng mặt; anh A1 vắng mặt, có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên từ ngày 23/12/2023 đến ngày 19/3/2024, Lê Duy T, sinh ngày 29/8/2007 (có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản) một mình thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản và cùng Trương Đăng K1, sinh ngày 15/11/2009 thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T và thành phố T, tỉnh Phú Yên. Cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 07 giờ ngày 23/12/2023, T cùng K1 đi bộ đến đoạn đường Đèo Thị thuộc khu phố C, thị trấn C, huyện T thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Future FI, biển số 78C1-289.98 của ông Trương Văn K dựng trước cổng nhà, trên xe có gắn chìa khoá không người trông coi nên T lén lút lấy xe mô tô rồi điều khiển chở K1 tẩu thoát theo hướng xã An L, huyện T. Khi đến khu vực thôn P, xã A, cả hai phát hiện xe mô tô nhãn hiệu DAME, biển số 78F9-8545 của ông Nguyễn Văn H1 dựng bên đường, không người trông coi nên K1 lén lút lấy xe mô tô rồi điều khiển tẩu thoát. Xe mô tô 78F9-8545, cả hai đem bán cho tiệm thu mua phế liệu của bà Nguyễn Thị H5 350.000 đồng, xe mô tô biển số 78C1-289.98, T và K2 tháo rời các bộ phận mang vào thành phố T bán cho tiệm thu mua phế liệu của bà Phạm Thị Thu V và một số tiệm phế liệu khác giá 850.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài cá nhân.

- Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 30/12/2023, T và K1 đi bộ đến khu vực Miếu T thuộc thôn N, xã B, thành phố T phát hiện xe mô tô biển số 78F7-7824 của bà Ngô Thị H3 dựng trên đường không có người trông coi, T nói K1 cảnh giới rồi nhặt 01 con dao gần đó để cạy nắp, cắt dây điện, tháo bình ắc quy loại 12V-5Ah rồi bán cho tiệm mua phế liệu cho bà Phạm Thị Thu V 45.000 đồng tiêu xài.

- Vụ thứ ba: Khoảng 10 giờ ngày 14/3/2024, T đi bộ trên đường Mậu T thuộc thôn L, xã B, thành phố T phát hiện xe mô tô nhãn hiệu FUSACO, biển số 78H7-1929 của ông Hồ Văn C1 dựng bên lề đường trên xe có gắn chìa khoá không người

trông coi nên lén lút lấy trộm rồi điều khiển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên cất giấu. Đến ngày 15/3/2024, T đem xe mô tô trộm được đến khu vực sân bay Tuy H bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch 700.000 đồng tiêu xài cá nhân.

- Vụ thứ tư: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 17/3/2024, T đi bộ đến Ga T thuộc phường 2, thành phố T thì phát hiện xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, biển số 78G1-150.72 của bà Phạm Thị T1 dựng trên vỉa hè có gắn chìa khoá trên xe không người trông coi nên lén lút lấy trộm rồi điều khiển tẩu thoát, sau đó, bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch tại khu vực sân bay Tuy H 2.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

- Vụ thứ năm: Khoảng 10 giờ ngày 19/3/2024, T đi bộ đến khu phố L, thị trấn C, huyện T phát hiện xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius, biển số 78T1-4363 của chị Tống Thị Bích P dựng bên lề đường có gắn chìa khoá trên xe không người trông coi nên lén lút lấy trộm rồi điều khiển đến xã X huyện Đ để bán thì bị Công an xã X phát hiện mời về trụ sở làm việc.

Kết luận định giá tài sản số 11/KL- HĐĐG ngày 26/01/2024 và số 28/KL-HĐĐG ngày 02/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: xe mô tô biển số 78C1-289.98 giá trị 9.500.000 đồng; xe mô tô biển số 78F9-8545 giá trị 1.700.000 đồng; xe mô tô biển số 78T1-4363 giá trị 6.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 27/KL- HĐĐG ngày 17/4/2024 và số 74/KL-HĐĐG ngày 30/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố T kết luận: 01 xe mô tô biển số 78H7-1929 giá trị 2.750.000 đồng; xe mô tô biển số 78G1-150.72 giá trị 7.750.000 đồng; bình ắc quy loại 12V-5Ah giá trị 50.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT-VKSTA ngày 11/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo về tội: *" Trộm cắp tài sản"* - theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng thuy tố và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị cáo chị H trình bày và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo T là vi phạm pháp luật, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Trước đây tôi đã tự nguyện nộp khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện T (tôi nộp bồi thường cho anh Hồ Văn C1), mong Tòa xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ngô Tấn H1 thống nhất về tội danh và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ như đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Về mức hình phạt như Viện Kiểm sát đề xuất xét xử bị cáo từ 09 – 12 tháng tù là có sơ sở. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX cần xem xét, đánh giá nguyên nhân múc đích phạm tội, là do hoàn cảnh gia đình cha mẹ bị cáo ly hôn năm 2022 dẫn đến bị cáo nghĩ học, thiếu sự

quan tâm giáo dục của cha mẹ dẫn đến việc bị cáo phạm tội. Bên cạnh đó bị cáo là vị thành niên, nhận thức còn hạn chế nên đề nghị HĐXX áp dụng mức hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Thống nhất theo quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị hại:

-Vợ chồng anh K, chị H vắng mặt, tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 14 tháng 3 năm 2025 vợ chồng anh K, chị H3 trình bày: Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 23/12/2023 khi đi làm về tôi K có dựng xe mô tô (hiệu YAMAHA, loại xe Future màu đen), biển kiểm soát 78C1 – 289.98 trước sân nhà, chìa khóa vẫn gắn trên xe, sau đó tôi đi vào nhà đi vệ sinh. Khoảng 5 phút sau, tôi ra ngoài thì phát hiện chiếc xe của tôi bị kẻ gian trộm mất. Chiếc xe này vợ chồng tôi mua lại của chị vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1968, trú tại: Phú V, Bình K, TP T vào năm 2020, giá 15.000.000 đồng. Về phần dân sự: Vợ chồng tôi yêu cầu bị cáo T phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 9.500.000 đồng (theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá trước đây). Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

-Vợ chồng anh H2, chị X vắng mặt, tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 11 tháng 3 năm 2025, vợ chồng anh H2 trình bày: Vào khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 23/12/2023 tôi H2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78F9 – 8545 đến khu đồng tại P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên để làm ruộng (phun thuốc). Khi đến nơi tôi dựng xe mô tô bên đường và đến ruộng của mình để phun thuốc. Đến khoảng 11 giờ 50 phút cùng ngày, tôi quay lại thì phát hiện chiếc xe của tôi bị kẻ gian trộm cắp. Chiếc xe nêu trên trước đây vợ chồng tôi mua lại của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972, cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Yên với giá 5.000.000 đồng (vì mua thời gian lâu nên chiếc xe này chưa sang tên cho vợ chồng tôi). Về phần dân sự: Chiếc xe biển kiểm soát 78F9 – 8545, trước đây vợ chồng tôi đã nhận lại xong. Do vậy, trong vụ án này vợ chồng tôi không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Chị Ngô Thị H3, vắng mặt tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 14 tháng 3 năm 2025 chị H3 trình bày: Vào khoảng 12 giờ ngày 30/12/2023 tôi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 78F7 – 7874 đến khu vực phía trong Miếu T, thuộc thôn N, xã B, TP T, tỉnh Phú Yên để cắt cỏ cho bò, sau khi cắt cỏ xong tôi ra xe đi về thì đề máy xe nhưng xe không nổ máy, sau đó tôi đạp xe nổ máy chạy về nhà thì phát hiện bình ắc quy trên xe đã bị mất, (vì nghĩ giá trị thấp nên tôi không báo cáo cơ quan Công an). Ngoài ra vào lúc 12 giờ ngày 03/01/2024 tôi đến khu vực trên để tưới nước rau, khi đến nơi tôi phát hiện bị mất 01 máy bôm nước loại 01 ngựa tôi mua 2017, giá 700.000 đồng, sau đó tôi đến Công xã xã B trình báo sự việc. Qúa trình cơ quan điều tra, mới biết bị cáo T đã trộm cắp bình ắc quy của tôi. Về phần dân sự: Nay tôi yêu cầu bị cáo T bồi thường cho tôi số tiền 260.000 đồng, ngoài ra

tôi không yêu cầu bồi thường gì khác. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Chị Tống Thị Bích P, vắng mặt tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 11 tháng 3 năm 2025, chị P trình bày: Do khu vực vỉa hè trước nhà của tôi bị nắng, nên khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 19/3/2024 tôi dắt xe mô tô biển kiểm soát 78T1- 4363, nhãn hiệu YAMAHA loại sirius, màu đen dựng trên vĩa hè bên hông nhà anh Nguyễn Minh T6 ở cùng khu phố. Đến khoảng 10 giờ 30 phút, cùng ngày tôi ra lấy xe đi công việc thì phát hiện chiếc xe của tôi bị kẻ gian trộm cắp. Chiếc xe nêu trên là của ba tôi Tống Xuân T4 đứng tên, năm 2012 cha tôi cho chiếc xe nêu trên để tôi quản lý, sử dụng. Về phần dân sự: Chiếc xe biển kiểm soát 78T1- 4363 trước đây tôi đã nhận lại xong. Do vậy, trong vụ án này tôi không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Chị Lê Thị Mỹ C vắng mặt, tại biên bản ghi lời khai ngày 15/3/2025 (BL 281) chị C trình bày: Ngày 13/3/2024 anh C1 là người làm thuê cho mẹ tôi và có gửi chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78H7 – 1929 tại nhà của tôi tại Liên T, Bình K, TP T, tỉnh Phú Yên. Đến sáng ngày 14/3/2024, tôi dọn dẹp nhà nên có dắt chiếc xe nêu trên dựng trước cửa nhà. Sau đó tôi đi đón con đi học về khoảng 10 giờ cùng ngày thì tôi phát hiện mất xe, sau đó tôi có báo cáo cơ quan Công an. Sau khi xảy ra sự việc tôi có xem lại camara của nhà tôi nhìn thấy có đối tượng lạ lấy xe điều khiển đi.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Trương Đăng K1, vắng mặt tại biên bản ghi lời khai và đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 01/3/2025 cháu K1 trình bày: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 30/12/2023 tôi cùng với Lê Duy T đi bộ đến Miếu T thì phát hiện một chiếc xe mô tô, cách khoảng 50m thì có một người phụ nữ đang cắt rau ngoài vườn. Lúc này T bảo tôi đứng cảnh giới người phụ nữ, còn T cậy nắp cóp xe và tháo bình ắc quy sau đó tôi và T mang bình ắc quy đến điểm thu mua phế liệu ở thôn N, xã B, TP T, sau đó T mang bình ắc quy bán được 45.000 đồng, tôi và T mua bánh mì ăn; Ngoài ra ngày 09/12/2023 tôi và T trộm cắp 01 măm xe ô tô tải tại xã H, nên bị cơ quan chức năng xử phạt hành chính cảnh cáo đối với tôi; và ngày 23/12/2023 tôi và T tiếp tục trộm cắp 01 chiếc xe máy tại thị trấn C, huyện T và 01 chiếc xe máy tại xã A, huyện T. Hành vi của tôi là vi phạm pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị M vắng mặt, tại biên bản ghi lời khai (BL 82) chị M trình bày: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78C1 – 298.89, hiện tại tôi không còn sử dụng nữa. Năm 2020 tôi đã bán chiếc xe mô tô nêu trên cho em rể của tôi là Trương Văn K, sinh năm 1974. Cư trú: Khu phố C, thị trấn C, huyện T. Khi bán tôi chỉ đưa giấy đăng ký xe cho K, chứ không lập giấy tờ gì, và cũng không làm thủ tục sang tên đổi chủ.

- Anh Nguyễn Văn C2 vắng mặt, tại biên bản ghi lời khai (BL 102) anh C2 trình bày: Hiện tại tôi không còn sử dụng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78F9 –

8545. Chiếc xe trên, năm 2013 tôi đã bán lại cho anh Nguyễn Văn H2, trú tại xã A, huyện T. Lúc bán tôi có viết giấy tờ mua bán bằng tay cho anh Nguyễn Văn H2, tôi không làm thủ tục sang tên đổi chủ.

- Chị Nguyễn Thị H5 vắng mặt, tại biên bản ghi lời khai (BL 163 – 168), chị H5 trình bày: Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 23/12/2023 có hai thanh niên dắt một chiếc xe mô tô không rõ biển số, nhãn hiệu DAME, không có giấy tờ, xe bị hư hỏng một số bộ phận của xe và có hỏi tôi để bán phế liệu. Trước khi mua tôi có hỏi hai thanh niên trên chiếc xe này ở đâu mà có, tại sao bán. Lúc đó hai thanh niên trả lời xe này là xe của mẹ không sử dụng nên bán. Qúa trình xem xét, trao đổi tôi có mua chiếc xe trên với giá 350.000 đồng và đưa tiền cho hai thanh niên trên. Qúa trình cơ quan điều tra vào cuộc thì tôi mới biết chiếc xe trên là tài sản bị mất trộm, và tôi giao lại chiếc xe trên cho cơ quan chức năng để phục vụ công tác điều tra. Về số tiền tôi mua 350.000 đồng trên, tôi không yêu cầu bồi thường gì.

- Chị Phạm Thị Thu V vắng mặt, tại biên bản ghi lời khai (BL 179 – 184) chị V trình bày: Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 26/12/2023 tôi đang ở cơ sở kinh doanh thu mua phế liệu, lúc này có 02 thanh niên điều khiển 01 chiếc xe mô tô chỉ còn khung và lốc máy, không có biển số đến hỏi tôi bán chiếc xe này. Lúc này tôi có hỏi nguồn gốc chiếc xe này ở đâu mà có, cả hai thanh niên trả lời xe mô tô cũ ở nhà, không còn sử dụng nên đem bán phế liệu. sau khi thỏa thuận tôi thống nhất mua với giá 550.000 đồng. Chiếc xe tôi mua trên, tôi hoàn toàn không biết chiếc xe này có nguồn gốc là do trộm cắp. Hiện tại chiếc xe mô tô trên không còn tại tiệm phế liệu của tôi. Sau khi mua xong, tôi thấy không còn sử dụng được nên tôi tháo rời các bộ phận của xe ra để bán phế liệu. Còn bán cho ai, vào thời gian nào thì tôi hoàn toàn không nhớ.

- Anh Hồ Văn C1, vắng mặt tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 14/3/2025 anh C1 trình bày: Ngày 13/3/2024, tôi có gửi chiếc xe mô tô nhãn hiệu RUSACO, biển kiểm soát 78H7 – 1929 tại nhà của chị Lê Thị Mỹ C, trú tại Khu phố L, phường 9, TP T, tỉnh Phú Yên. Đến sáng ngày 14/3/2024, chị C dắt chiếc xe của tôi ra để trước cửa nhà để dọn dẹp nhà, trên xe có gắn sẵn chía khóa, đến khoảng 10 giờ 00 phút, cùng ngày thì chị C phát hiện chiếc xe của tôi bị mất, sau đó chị C đến báo cáo sự việc cho cơ quan Công an. Chiếc xe này tôi mua lại của ông Trương Quang M, sinh năm 1985, cư trú: Phú V, Bình K, TP T vào năm 2010 giá 7.200.000 đồng (xe này ông M) đứng tên, chưa làm thủ tục sang tôi cho tôi). Về phần dân sự: Nay tôi yêu cầu bị cáo T phải có nghĩa vụ bồi thường cho tôi số tiền 2.750.000 đồng (theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá trước đây).Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Anh Trương Quang M vắng mặt, tại biên bản ghi lời khai ngày 25/8/2024 anh M trình bày: Hiện tại tôi không còn sử dụng chiếc xe mô tô biển hiểm soát 78F9 – 8545. Năm 2010 tôi đã bán chiếc xe nêu trên cho anh Hồ Văn C1, sinh năm

1982, trú tại: Thạnh Đ, phường 9, TP T, tỉnh Phú Yên, lúc bán tôi có đưa giấy đăng ký xe cho anh C1, tôi không viết giấy mua bán và cũng không làm thủ tục sang tên.

- Ông Tống Xuân T4 vắng mặt, tại biên bản ghi lời khai (BL 365 – 368) anh T4 trình bày: Năm 2009, tôi mua mới chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78T1 – 4363, nhãn hiệu YAMAHA với giá 17.000.000 đồng và đứng tên chủ sở hữu. Năm 2012, vợ chồng tôi thống nhất cho chiếc xe nêu trên cho con gái Tống Thị Bích P toàn quyền quản lý, sử dụng, đồng thời đưa giấy đăng ký xe cho P cất giữ. Ngày 19/3/2024, con tôi P điện thoại thông báo chiếc xe trên bị kẻ gian lấy mất. Về chiếc xe trên, tôi chỉ mong cơ quan chức năng tiến hành điều tra và thu hồi lại để con tôi sử dụng, tôi không ý kiến hoặc yêu cầu gì.

- Anh Nguyễn Đức T5 vắng mặt, tại biên bản ghi lời khai (BL 268 – 269), anh T5 trình bày: Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78G1- 150.72, hiện tại tôi không còn sử dụng chiếc xe này nữa. Năm 2021 tôi đã bán chiếc xe trên cho cửa hàng xe cũ do ông Đặng Văn A (làm chủ), trú tại phường 4, TP T. Lúc bán có làm giấy tờ mua bán, nhưng chưa làm thủ tục sang tên.

- Anh Đặng Văn A vắng mặt, tại biên bản ghi lời khai (BL 265 – 266) anh A trình bày: Khoảng đầu tháng 01 năm 2021, tôi có mua lại chiếc xe biển kiểm soát 78G1- 150.72 của anh Nguyễn Đức T5, sau đó tôi mang xe về tân trang lại để bán cho người khác, đến ngày 01/02/2021 tôi có bán lại chiếc xe trên cho chị Phạm Thị T1. sinh năm 1965. Địa chỉ: 95A Lê Trung K, phường 2, TP T, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Tôi mua bán xe này hoàn toàn không liên quan gì đến việc trộm cắp hoặc vi phạm pháp luật.

* Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Trương Đăng K1, có anh Trương Văn A1 vắng mặt. Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/02/2025 và đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt ngày 01/3/2025 anh A1 trình bày: Tôi là cha ruột của Trương Đăng K1, sự việc Trương Đăng K1 cùng Lê Duy T lén lút chiếm đoạt 01 bình ắc quy của chị Ngô Thị H3, 01 xe mô tô 78C1 – 289.98 của Trương Văn K, 01 xe mô tô 78F9 – 8545 của Nguyễn Văn H2. Sau khi sự việc xảy ra vợ tôi tên N (mẹ kế của K1) có nói lại cho tôi biết. Về vấn đề bồi thường, tôi đồng ý bồi thường thay cho con tôi theo phán quyết của Tòa án.

Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, kết luận bị cáo Lê Duy T phạm tội: *" Trộm cắp tài sản*"- theo khoản 1 điều 173 BLHS. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b,s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52, điều 91, 101 BLHS. Xử phạt bị cáo từ 09 – 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/12/2024.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Vợ chồng anh K, chị H3 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.500.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Văn C1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.750.000 đồng; bị hại vợ chồng chị T1, anh T2 yêu cầu bị cáo bồi

thường số tiền 7.750.000 đồng; chị chị Ngô Thị H3 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 260.000 đồng.

Xét thấy, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78H7 – 1929 của anh Hồ Văn C1 và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78G1- 150.72 của vợ chồng chị T1, anh T2 là do một mình bị cáo T thực hiện trộm cắp. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo chưa đủ 18 tuổi và không có tài sản riêng để bồi thường. Do vậy đề Nghị HĐXX buộc đại diện hợp pháp của bị cáo là chị Lê Thị Thu H có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại và người liên quan gồm:

- Anh Hồ Văn C1 số tiền: 2.750.000 đồng.
- Vợ chồng chị T1, anh T2 số tiền: 7.750.000 đồng.

Chị Lê Thị Thu H đã nộp khắc phục hậu quả cho anh C1 số tiền 2.000.000 đồng, đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Nên chị H tiếp tục bồi thường cho anh C2 750.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78C1 – 289.98 là của vợ chồng anh K, chị H; và 01 bình ắc quy của chị Ngô Thị H3 là do bị cáo và K1 thực hiện việc trộm cắp. Tuy nhiên, K chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy đề nghị HĐXX buộc đại diện hợp pháp của bị cáo chị Lê Thị Thu H và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Trương Đăng K1 là anh Trương Văn A1 có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại gồm:

-Vợ chồng anh Trương Văn K, chị Nguyễn Thị Thanh H4 số tiền: 9.500.000 đồng.

- Chị Ngô Thị H số tiền: 260.000 đồng.

Đối với chiếc xe biển kiểm soát 78F9 – 8545 của vợ chồng anh H2, chị X; và chiếc xe biển kiểm soát 78T1- 4363 của chị Tống Thị Mỹ P. Tại các đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bị hại vợ chồng anh H2, chị X và chị P trình bày đã nhận lại tài sản các chiếc xe nêu trên, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Về vật chứng: Căn cứ điều 47 BLHS và điều 106 BLTTHS.

Đề nghị HĐXX tuyên trả lại cho bị cáo gồm:

- 01 quần đùi màu đen, chất liệu bằng vải;
- 01 túi đeo màu đen, chất liệu bằng vải, mặt túi có chữ Alan WALKER, có vai đeo chéo.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/02/2025, giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T).

Đối với Trương Đăng K1 cùng Lê Duy T thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản, nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. K1 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Thị H5 và Phạm Thị Thu V (là các chủ tiệm phế liệu) mua tài sản của Tiến và K1 nhưng không biết nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với những người đàn ông mua xe mô tô biển kiểm soát 78H7 – 1929 và xe mô tô biểm kiểm soát 78G1- 150.72, quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan điềun tra sẽ tiếp tục điều tra, xử lý.

*Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Công an TP T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và về thời gian, địa điểm phạm tội, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 23/12/2023 đến ngày 19/3/2024, trên địa bàn huyện T và TP T, tỉnh Phú Yên, Lê Duy T có hành vi lén lút trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 78H7 – 1929 của anh Hồ Văn C1 (do chị Lê Thị Mỹ C quản lý) trị giá 2.750.000 đồng; 01 xe mô tôi biển kiểm soát 78G1-150.72 của chị Phạm Thị T1 trị giá 7.750.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 78T1 – 4363 của chị Tống Thị Bích P trị giá 6.000.000 đồng; Lê Duy T cùng Trương Đăng K1 (dưới 16 tuổi) trộm cắp 01 bình ắc quy loại 12V -5Ah của chị Ngô Thị H trị giá 50.000 đồng; 01 mô tô biển kiểm soát 78C1 – 289.98 của anh Trương Văn K trị giá 9.500.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 78F9- 8545 của anh Nguyễn Văn H2 trị giá 1.700.000 đồng, tổng giá trị tài sản trộm cắp là **27.750.000 đồng,** nên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội " Trộm cắp tài sản " – theo khoản 1 điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trước đây bị cáo đã bị xử phạt hành chính số tiền 1.250.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (chưa nộp phạt), bị cáo không tu dưỡng làm ăn, thế nhưng bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người dân, bị cáo cùng K1 đã xâm phạm về quyền sở hữu tài sản của người khác 05 lần với tổng giá trị 27.750.000 đồng (trong đó bị cáo một mình thực hiện 03 lần trộm cắp, mỗi lần trên 2.000.000 đồng) và cùng K1 thực hiện 02 lần trộm cắp, trong đó có 01 lần trên 2.000.000 đồng, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật nên cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa

tội phạm trong tình hình hiện nay. Tuy bị cáo trộm cắp tài sản 05 lần trở lên, không sử dụng số tiền trên làm nguồn sống chính cho bản thân, nên không có cơ sở xem xét tính chất chuyên nghiệp.

Tuy nhiên, thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (từ 16 đến dưới 18 tuổi) nên áp dụng mức hình phạt ¾ mức hình phạt đối với người đã thành niên phạm tội. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phối hợp với gia đình khắc phục bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, nên cần áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 91, 101 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Tại cơ quan điều tra và tại các đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt của các bị hại. Bị hại Vợ chồng anh K, chị H4 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.500.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hồ Văn C1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.750.000 đồng; bị hại vợ chồng chị T1, anh T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.750.000 đồng; chị chị Ngô Thị H3 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 260.000 đồng.

Xét thấy, chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78H7 – 1929 của anh Hồ Văn C1 và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78G1- 150.72 của vợ chồng chị T1, anh T2 là do một mình bị cáo T thực hiện trộm cắp. Tuy nhiên, hiện nay bị cáo chưa đủ 18 tuổi và không có tài sản riêng để bồi thường. Do vậy cần buộc đại diện hợp pháp của bị cáo là chị Lê Thị Thu H có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại và người liên quan gồm:

- Anh Hồ Văn C1 số tiền: 2.750.000 đồng.
- Vợ chồng chị T1, anh T2 số tiền: 7.750.000 đồng.

Chị Lê Thị Thu H đã nộp khắc phục hậu quả cho anh C1 số tiền 2.000.000 đồng, đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Đề nghị Chi cục thi hành án dân sự huyện T hoàn trả số tiền trên cho anh C1. Chị H còn phải tiếp tục bồi thường cho anh C1 750.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 78C1 – 289.98 là của vợ chồng anh K, chị H3; và 01 bình ắc quy của chị Ngô Thị H là do bị cáo và K1 thực hiện việc trộm cắp. Tuy nhiên, K1 chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy cần buộc đại diện hợp pháp của bị cáo chị Lê Thị Thu H4 và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Trương Đăng K1là anh Trương Văn A1 có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại gồm:

-Vợ chồng anh Trương Văn K, chị Nguyễn Thị Thanh H4 số tiền: 9.500.000 đồng.

- Chị Ngô Thị H1 số tiền: 260.000 đồng.

(Phần nghĩa vụ bồi thường của mỗi bên đại diện hợp pháp của bị cáo và đại diện hợp pháp của người liên quan là ngang nhau).

Đối với chiếc xe biển kiểm soát 78F9 – 8545 của vợ chồng anh H2, chị X; và chiếc xe biển kiểm soát 78T1- 4363 của chị Tống Thị Mỹ P. Tại các đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, bị hại vợ chồng anh H2, chị X và chị P trình bày đã nhận lại tài sản các chiếc xe nêu trên, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về vật chứng: Căn cứ điều 47 BLHS và điều 106 BLTTHS.

Trả lại cho bị cáo gồm:

- 01 quần đùi màu đen, chất liệu bằng vải;
- 01 túi đeo màu đen, chất liệu bằng vải, mặt túi có chữ Alan WALKER, có vai đeo chéo.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/02/2025, giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T).

Đối với Trương Đăng K1 cùng Lê Duy T thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản, nhưng tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khôi chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Thị H5 và Phạm Thị Thu V (là các chủ tiệm phế liệu) mua tài sản của T và K1 nhưng không biết nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với những người đàn ông mua xe mô tô biển kiểm soát 78H7 – 1929 và xe mô tô biểm kiểm soát 78G1- 150.72, quá trình điều tra Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan điềun tra sẽ tiếp tục điều tra, xử lý nên HĐXX không xem xét.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Lê Duy T phạm tội: " *Trộm cắp tài sản".*

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; Điều 91, Điều 101Bộ luật hình sự.

Phạt: Bị cáo Lê Duy T **01 (Một) năm tù.**

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/12/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 BLHS; các điều 584, 589 BLDS.

+ Buộc đại diện hợp pháp của bị cáo là chị Lê Thị Thu H4 có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại và người liên quan gồm:

- Anh Hồ Văn C1 số tiền: 750.000 đồng.
- Vợ chồng chị T1, anh T2 số tiền: 7.750.000 đồng.

Đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện T chi trả cho anh Hồ Văn C1 số tiền 2.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số: 0000036 ngày 03/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

+ Buộc đại diện hợp pháp của bị cáo chị Lê Thị Thu H4 và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Trương Đăng K1 là anh Trương Văn A1 có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại gồm:

-Vợ chồng anh Trương Văn K, chị Nguyễn Thị Thanh H4 số tiền: 9.500.000 đồng.

- Chị Ngô Thị H3 số tiền: 260.000 đồng.

(Phần nghĩa vụ bồi thường của mỗi bên đại diện hợp pháp của bị cáo và đại diện hợp pháp của người liên quan là ngang nhau).

3. Về vật chứng: Căn cứ điều 47 BLHS và điều 106 BLTTHS.

Tuyên trả lại cho bị cáo Lê Duy T:

- 01 quần đùi màu đen, chất liệu bằng vải;
- 01 túi đeo màu đen, chất liệu bằng vải, mặt túi có chữ Alan WALKER, có vai đeo chéo.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/02/2025, giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

- Buộc đại diện hợp pháp của bị cáo chị Lê Thị Thu H phải chịu 669.000 đồng đồng án phí DSST.

- Buộc đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, liên quan cháu Trương Đăng K1 là anh Trương Văn A1 phải chịu 244.000 đồng án phí DSST.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bào chữa cho bị cáo (vắng mặt lúc tòa tuyên án), những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Bình